

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN ĐỘNG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày 23- 01- 2018

V/v ly hôn giữa chị T và anh C

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thái

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát

2. Bà Nguyễn Thị Bắc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Tuấn - Kiểm sát viên sơ cấp;

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp Hôn nhân và Gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/01/2018 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

**2. Bị đơn:** **La Chí C**, sinh năm 1989; nơi cư trú: Khu 5, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nông Thị L, sinh năm 1958; có mặt

- Ông La Văn Th, sinh năm 1960 (chồng bà L); vắng mặt.

Đều trú tại: Khu 5, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh La Chí C trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/11/2012 tại UBND thị trấn A, huyện S. Tình cảm vợ chồng ban đầu có hòa thuận, hạnh phúc. Tháng 2/2014 chị phát hiện anh C sử dụng chất ma túy, chị và gia đình đã khuyên ngăn nhưng không có kết quả. Do nghiện ma túy nên anh C đã dần thân vào con đường phạm tội, tháng 5/2014 anh C phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại Hà Nội, bị xử phạt 18 tháng tù; sau khi ra tù chưa được một năm anh C lại phạm tội tiếp, tháng 9/2016 anh C bị bắt tại thành phố B về tội Trộm cắp tài sản, bị xử phạt 8 tháng tù. Kể từ tháng 9/2016 đến nay vợ chồng đã ly thân nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh C được ly hôn nhau.

Vợ chồng có 1 con chung là La Chí S, sinh ngày 09/8/2013, hiện tại cháu S đang ở với ông La Văn Th và bà Nông Thị L (là ông bà nội của cháu S). Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

2. Bị đơn là anh La Chí C bỏ nhà đi từ thời điểm chị T làm đơn khởi kiện, anh C bỏ đi không trình báo chính quyền địa phương, không thông báo cho chị T và những người thân trong gia đình biết về địa chỉ nơi lao động hoặc nơi ở mới. Tòa án đã xác minh, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh C không chấp hành nên không thu thập được ý kiến, lời khai của anh C.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nông Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ anh La Chí C, những năm trước đây vợ chồng chị T anh C ở chung với gia đình bà, nhưng anh C là người nghiện ma túy, anh C thường xuyên bỏ nhà đi lang thang, anh C phạm tội hai lần như chị T trình bày là đúng, hiện tại anh C không có mặt tại địa phương. Còn chị T đi làm công ty đã 3 năm nay, nên vợ chồng chị T anh C bỏ lại cháu La Chí S cho vợ chồng bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh C, bà có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu S, bà yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu S, mức cấp dưỡng là 1.500.000đồng/ 1 tháng.

Tại phiên tòa, bà L trình bày: Nếu chị T muốn nuôi con thì chị T gửi tiền cho vợ chồng bà mỗi tháng 1.500.000đồng để vợ chồng bà nuôi cháu S hộ. Vì cháu S ở với vợ chồng bà nhiều năm nay, nên bà không đồng ý giao cháu S cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông La Văn Th trình bày: Ông là cha đẻ anh La Chí C, ý kiến của ông thống nhất với ý kiến của bà Nông Thị L; ông đề nghị Tòa án giao cho vợ chồng ông trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lá Chí S, ông không yêu cầu chị T và anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

### 3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Anh La Chí C là bị đơn, ông La Văn Th là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C và ông Th là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị T và anh La Chí C được ly hôn nhau, giao cháu La Chí S cho chị T nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con, không ai được cản trở anh C quyền thăm nom con; chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1]** Anh La Chí C bỏ đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho chị Nguyễn Thị T và những người thân trong gia đình biết nơi lao động hoặc nơi ở mới, chính quyền địa phương nơi anh C cư trú cũng không biết anh C đi đâu, ở đâu. Theo chị T và bà L trình bày thì anh C bỏ nhà đi khi đã biết chị T làm đơn khởi kiện ly hôn; như vậy, anh C đã cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì anh C là bị đơn, ông La Văn Th là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C và ông Th theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]** Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh La Chí C kết hôn với nhau tuân theo các điều kiện quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện S. Vì vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp; chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh C, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình là đúng quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T yêu cầu ly hôn với lý do anh C nghiện ma túy, nhiều lần vi phạm pháp luật. Do anh C cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của anh C, nhưng bà Nông Thị L và ông La Văn Th là mẹ đẻ, cha đẻ của anh C đều xác nhận anh C nghiện ma túy và vi phạm pháp luật như chị T trình bày là đúng. Chứng tỏ anh C có lối sống buông thả nên mới dẫn thân vào con đường nghiện ma túy, dẫn đến con đường phạm tội, nay anh C lại bỏ đi khỏi nơi cư trú và cố tình giấu địa chỉ. Như vậy, anh C đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

**[3]** Về quan hệ con chung: Chị T và anh C có một con chung là cháu La Chí S, sinh ngày 09/8/2013, hiện tại cháu S đang do vợ chồng bà L ông Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, mặc dù bà L và ông Th có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu S, nhưng xét thấy việc nuôi dưỡng cháu S là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cha mẹ cháu S; vì anh C nghiện ma túy và hiện tại không có mặt tại địa phương nên không có điều kiện nuôi dưỡng con; cần chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc vợ chồng bà L ông Th có trách nhiệm giao cháu S cho chị T nuôi dưỡng là đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

**[4]** Về án phí: Chị T yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 1, Điều 28; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1 Điều

273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 6 và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh La Chí C.

**2. Về con chung:**

Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu La Chí S, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2013. Buộc vợ chồng bà Nông Thị L, ông La Văn Th phải giao cháu La Chí S cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng.

Anh La Chí C không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Không ai được cản trở anh C quyền thăm nom con.

**3. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/006855 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động; chị T không phải nộp án phí nữa.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

*\* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- VKSND huyện SD
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- UBND TT A
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Văn Thái**